

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT

(Kèm theo Thông báo số 68/TB-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2025, của UBND Xã Lợi Bắc)

STT	Theo mảnh trích đo					Theo bản đồ địa chính				
	Mảnh trích đo	Tờ bản đồ (cũ)	Thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Mã hiệu thửa đất	Tờ bản đồ (mới)	Tờ bản đồ cũ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Mã hiệu thửa đất
				5.235,0					5.235,0	
1	2	2	306	1050,0	LUC	306	2	4	1.050,0	LUC
2	2	2	322	581,0	LUC	306	2	15	581,0	LUC
3	2	2	14	605,0	LUC	306	2	14	605,0	LUC
4	2	2	619	507,0	LUC	306	2	16	507,0	LUC
5	2	2	307	131,0	BHK	306	2	5	131,0	BCS
6	2	6	22	238,0	LUC	310	6	22	238,0	LUC
7	2	2	305	794,0	BHK	306	2	3	407,0	LNK
						306	2	16	387,0	LNK
8	2	6	398	93,0	NTS	306	2	16	93,0	LNK
9	2	6	304	163,0	BHK	306	2	16	163,0	LNK
10	2	6	397	290,0	BHK	306	2	16	194,0	LNK
						310	6	24	96,0	LNK
11	2	6	393	112,0	NTS	310	6	24	112,0	LNK
12	2	6	394	358,0	LNK	310	6	24	358,0	LNK
13	2	6	396	313	ONT	310	6	2	194,0	ONT
						306	2	16	119,0	LNK